TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HS-PT.
Ngày: 24/4/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga;

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Ngà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2023/TLPT-HS ngày 23/3/2023 đối với bị cáo NVĐ do có kháng cáo của bị cáo NVĐ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị cáo có kháng cáo:* NVĐ; Sinh ngày: 24/12/1983; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Đường D, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông NVL và bà HTD; Có vợ là bà NT, sinh năm 1983 và 04 người con, người con lớn nhất sinh năm 2008, người con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/11/2022 cho đến nay. (có mặt)

- *Bị hại có liên quan đến kháng cáo:* Bà NN; Sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Đường Q, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 14 giờ ngày 06/6/2022, NVĐ nhìn thấy xe mô tô mang biển kiểm soát 83P4-xxx.xx của bà NN đỗ trước quán cà phê N ở số X, đường D, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Lúc này, Đ nhớ lại việc bà N nợ tiền của vợ chồng Đ không trả, nên Đ nảy sinh ý định đốt xe của bà N. Ngay sau đó, Đ đi bộ đến đại lý xăng dầu ở đường T mua xăng là 10.000 đồng, đổ vào chai nước suối rồi đi đến quán cà phê chỗ bà N đang đỗ xe. Đ mở nắp chai đổ xăng lên yên xe và lấy bật lửa đốt làm xe bà N bốc cháy, khi xe bà N bốc cháy thì Đ tẩu thoát. Khi thấy xe bốc cháy, bà N cùng mọi người dùng bình chữa cháy dập tắt lửa. Sau đó, bà N đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 109/KL-HĐĐG ngày 05/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 83P4-xxx.xx, tỷ lệ hư hỏng 80% = 6.400.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 178; Điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015).

- Tuyên bố bị cáo NVĐ phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

- Xử phạt bị cáo NVĐ 02 năm 06 tháng tù, thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại.

* Ngày 02/3/2023, bị cáo NVĐ kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo NVĐ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo NVĐ phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ mức án 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đ đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại N số tiền là 6.400.000 đồng và được bị hại xin bãi nại, giảm hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại điểm b khoản 1

Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong vụ án này, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho toàn xã hội nên không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Trên cơ sở đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Đ và không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Đ, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại NN vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Xét sự vắng mặt của bị hại là không gây cản trở cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo NVĐ lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 02/3/2023 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo NVĐ, về việc xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo NVĐ như sau: Vào lúc khoảng 14 giờ ngày 06/6/2022, tại quán cà phê N ở số X, đường D, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, do bức xúc việc bà N nợ tiền của vợ chồng Đ không trả, Đ nảy sinh ý định đốt xe của bà N. Ngay sau đó, Đ đi mua xăng là 10.000 đồng đựng vào chai nước suối rồi đi đến chỗ bà N đang đỗ xe mô tô biển kiểm soát 83P4-xxx.xx, Đ mở nắp chai đổ xăng lên yên xe và lấy bật lửa đốt làm xe của bà N bốc cháy và hư hỏng. Theo kết luận định giá tài sản, xe mô tô biển kiểm soát 83P4-xxx.xx của bà N bị hư hỏng, thiệt hại là 6.400.000 đồng. Xét bị cáo Đ có hành vi dùng xăng là chất nguy hiểm về cháy để đốt xe mô tô của bà N, gây thiệt hại 6.400.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo NVĐ phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo NVĐ, về việc xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo NVĐ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ mức án 02 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đ đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại N số tiền là 6.400.000 đồng và được bị hại xin bãi nại, giảm hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết mới và Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để cân nhắc giảm hình phạt cho bị cáo. Bên cạnh đó, bị cáo Đ đã nộp số tiền 520.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S để thi hành phần án phí sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm, đây là việc bị cáo thực hiện trách nhiệm chịu án phí của người phạm tội theo quy định của pháp luật và không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5] Xét mặc dù bị cáo Đ bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, tình hình tội phạm về xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng diễn biến khá phức tạp, người phạm tội nghiêm trọng về xâm phạm sở hữu của người khác phải được xử lý nghiêm mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, cho nên việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận phần kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Đoàn và không chấp nhận phần kháng cáo của xin hưởng án treo của bị cáo Đ, sửa phần quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Đ.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Chấp nhận phần kháng cáo của bị cáo NVĐ, về việc xin giảm hình phạt. Không chấp nhận phần kháng cáo của bị cáo NVĐ, về việc xin hưởng án treo.

Sửa phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo NVĐ của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-PT ngày 17/02/2023 Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 178; Điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo NVĐ.

Xử phạt bị cáo NVĐ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo NVĐ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án đối với số tiền mà bị cáo NVĐ đã nộp là 520.000 đồng (Năm trăm hai mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000373 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

5. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND thành phố S (02);
- VKSND thành phố S (01);
- CQĐT-Công an thành phố S (01);
- CQTHAHS-Công an thành phố S (01);
- Chi cục THADS thành phố S (01);
- Bị cáo, bị hại (02);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ